TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2017/HSST
Ngày: 21/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoàn, ông Nguyễn Quang Miên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cẩm G, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Khương Thị Lơ- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2017/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1990. ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 8/12. Con ông Nguyễn Thanh H (đã chết) và bà Hà Thị T. Có vợ là Ngô Thị Mỹ L và có 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam C- Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 13/4/2017. Có mặt.

- Người bị hại: Anh Lê Bá M, sinh năm 1991.

Trú quán: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Văn M1, sinh năm 1990 và chị Phạm Thị T, sinh năm 1994.

ĐTQ: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa vắng mặt anh M, anh M1, chị T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 02/4/2017, Nguyễn Văn N đến chơi nhà bà Nguyễn Thị G (bà ngoại N) ở thôn V, xã C, huyện C, Hải Dương thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 34B3-433.74 của anh Lê Bá M không khóa cổ, không khóa càng, không có người trông giữ. N nhặt chiếc chìa khóa Việt Tiệp ở

sân nhà bà G, mở khóa điện chiếc xe mô tô thì thấy đèn xe bật sáng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe đem cầm cố lấy tiền tiêu sài và điều khiển xe đến cây xăng ở xã Đ, huyện C để đổ xăng thì phát hiện trong cốp xe có đăng ký xe mô tô mang tên Lê Bá M, 01 cục pin sạc điện thoại. N điều khiển xe đến cổng khu công nghiệp Đ gặp và nhờ anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 ở thôn Đ, xã C, huyện C tìm hộ người cầm cố chiếc xe để vay tiền. Thông qua anh Phạm Văn T, sinh năm 1990 ở thôn P, xã C, huyện C, anh Hoàn và N cầm cố chiếc xe mô tô cho anh Vũ Văn M1 để vay số tiền 11.000.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 13/4/2017, HĐĐG tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Cẩm G kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 34B3- 433.74 trị giá 18.000.000đ.

Quá trình điều tra: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát truy tố. Các anh M1, H, T và chị T không biết chiếc xe bị cáo đem cầm cố là xe do phạm tội mà có. Anh M đã nhận lại xe và đăng ký xe, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự. Anh M1, chị T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 11.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 31/VKS-HS ngày 16/6/2017, VKSND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa: Nguyễn Văn N khai nhận đã lấy của anh Lê Bá M chiếc xe máy Honda Wave, BKS 34B3-433.74 và đem cầm cố cho anh Vũ Văn M1 để vay số tiền 11.000.000đ.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 42 BLHS; Điều 584, 585, 586, 589, 357 BLDS; Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử phạt Nguyễn Văn N từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/4/2017. Buộc bị cáo phải hoàn trả anh M1, chị T số tiền 11.000.000đ và phải chịu án phí HSST, án phí DSST theo luật định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 02/4/2017, Nguyễn Văn N đã vào sân nhà bà Nguyễn Thị G ở thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương và lấy của anh Lê Bá M chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 34B3- 433.74 trị giá 18.000.000đ.

Bị cáo là người có năng lực TNHS, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu sài mà không phải lao động nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo được thực hiện bằng việc lén lút, lợi dụng sơ hở của chủ xe không khóa cổ, không khóa càng, không nhờ người trông giữ để lấy tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Tại Bản án số 28/2010/HSST ngày 21/6/2010, TAND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo 60 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/10/2014 và đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015 thì bị cáo đương nhiên được xóa án tích đối với lần bị kết án nêu trên. Đây là quy định mới có lợi hơn, cần được áp dụng để đảm bảo quyền lợi của bị cáo theo khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xét bị cáo đã từng chấp hành hình phạt tù nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại cố ý phạm tội đã thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy đòi hỏi pháp luật phải xử lý nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Đối với anh Phạm Văn T, anh Nguyễn Văn H, anh Vũ Văn M1 là người giúp và nhận cầm cố tài sản bị cáo chiếm đoạt nhưng không biết, không hưởng lợi từ việc phạm tội của bị cáo nên đều không bị xử lý là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đem chiếc xe chiếm đoạt được của anh Lê Bá M cầm cố cho anh Vũ Văn M1 lấy số tiền 11.000.000đ. Cơ quan điều tra đã trả lại anh M chiếc xe mô tô Honda Wave, BKS 34B3- 433.74 và đăng ký xe. Riêng cục pin sạc điện thoại, bị cáo đã vứt đi nhưng không nhớ ở vị trí nào nên không thu hồi được. Anh M tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên cần chấp nhận. Số tiền 11.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng anh M, chị T nên cần buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền này cho anh M, chị T.

Về vật chứng: Chiếc chìa khóa Việt Tiệp bị cáo dùng để mở khóa xe mô tô của anh M bị rơi trên đường, không thu hồi được.

Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt Nguyễn Văn N 12 *(mười hai)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/4/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận tự nguyện của anh Lê Bá M không yêu cầu giải quyết việc bồi thường.

- Buộc Nguyễn Văn N phải hoàn trả vợ chồng anh Vũ Văn M1, chị Phạm Thị T số tiền 11.000.000đ *(mười một triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 550.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Công an huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam C;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ; lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Quách Thị Phương Thúy